

SỞ NN VÀ PTNT TỈNH BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC KIỂM LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CCKL-SDPTR

Bình Định, ngày tháng 01 năm 2025

V/v ý kiến hiện trạng rừng khu đất thực
hiện Dự án đường vào Nhà máy đốt rác
Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn

Kính gửi: Ban Quản lý dự án đầu tư và phát triển quỹ đất
thành phố Quy Nhơn

Thực hiện chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và PTNT, kèm theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư và phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn tại Văn bản số 949/BQL-QLDA ngày 19/11/2024 về việc đề nghị thẩm định kết quả điều tra rừng khu đất thực hiện Dự án Đường vào Nhà máy đốt rác Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn.

Sau khi phối hợp với chủ dự án và các đơn vị có liên quan tiến hành kiểm tra hồ sơ, kiểm tra hiện trường (có Biên bản kiểm tra hiện trường ngày 06/12/2024 kèm theo); Chi cục Kiểm lâm có ý kiến như sau:

1. Vị trí: Thuộc khoảnh 2, tiểu khu 336B, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Diện tích dự án: 0,76 ha.

- Ranh giới được giới hạn bởi các điểm tọa độ chính hệ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3° .

TT	Tọa độ		TT	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	595319.95	1519946.16	28	595815.92	1519301.57
2	595319.85	1519945.35	29	595804.40	1519303.34
3	595324.91	1519940.05	30	595743.26	1519381.38
4	595319.05	1519936.64	31	595739.88	1519385.18
5	595313.73	1519931.88	32	595732.91	1519391.25
6	595311.08	1519925.21	33	595725.12	1519396.18
7	595308.96	1519908.96	34	595716.66	1519399.90
8	595308.08	1519898.58	35	595707.13	1519402.31
9	595307.68	1519889.34	36	595697.87	1519403.79
10	595307.63	1519879.52	37	595539.45	1519426.25
11	595314.23	1519711.63	38	595529.89	1519427.35
12	595315.94	1519700.76	39	595518.95	1519430.33
13	595318.91	1519692.01	40	595509.20	1519434.85
14	595323.08	1519683.77	41	595500.41	1519441.04

TT	Tọa độ		TT	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
15	595497.38	1519456.81	42	595492.86	1519448.66
16	595506.18	1519448.03	43	595315.70	1519679.03
17	595513.80	1519442.82	44	595309.15	1519691.79
18	595522.11	1519438.81	45	595307.19	1519698.65
19	595530.96	1519436.14	46	595305.63	1519711.28
20	595540.62	1519434.52	47	595299.23	1519879.39
21	595699.03	1519411.99	48	595299.28	1519889.55
22	595709.00	1519410.74	49	595299.74	1519899.71
23	595719.45	1519408.41	50	595300.60	1519909.84
24	595731.70	1519403.05	51	595303.05	1519926.58
25	595738.44	1519398.52	52	595307.18	1519936.45
26	595746.29	1519391.19	53	595315.14	1519943.62
27	595750.05	1519386.67			

3. Quy hoạch lâm nghiệp

a) Theo Quyết định số 4860/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án rà soát, điều chỉnh quy hoạch lâm nghiệp theo cơ cấu 03 loại rừng tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, trên diện tích 0,76 ha có 0,37 ha thuộc quy hoạch rừng sản xuất và 0,39 ha ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp.

b) Theo các Quyết định số 4854/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh 3 loại rừng tỉnh Bình Định giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2937/QĐ-UBND ngày 24/8/2015; Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 04/8/2010; Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 28/2/2008 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt kết quả rà soát quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bình Định thì trên diện tích 0,39 ha (ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp tại Quyết định số 4860/QĐ-UBND nêu trên) có 0,31 ha thuộc quy hoạch rừng sản xuất và 0,08 ha ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp.

Như vậy, trên diện tích 0,76 ha thực hiện dự án có 0,68 ha thuộc quy hoạch rừng sản xuất và 0,08 ha ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp.

c) Dự án có trong Danh mục công trình/dự án có nhu cầu sử dụng đất thuộc quy hoạch lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4860/QĐ-UBND ngày 27/12/2023.

4. Hiện trạng: Tại thời điểm kiểm tra trên diện tích 0,76 ha có hiện trạng: Rừng trồng có trữ lượng 0,09 ha, đất mới trồng rừng 0,1 ha, đất khác không có rừng (có nguồn gốc từ rừng trồng) 0,57 ha.

5. Chủ quản lý: Diện tích do hộ gia đình, cá nhân quản lý, sử dụng.

6. Diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

a) Vị trí: Thuộc khoảnh 2, tiểu khu 336B, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

b) Diện tích: 0,68 ha; thuộc rừng sản xuất.

c) Hiện trạng: Rừng trồng gỗ 0,09 ha, đất mới trồng rừng 0,05 ha, đất khác không có rừng (có nguồn gốc từ rừng trồng) 0,54 ha.

d) Ranh giới được giới hạn bởi các điểm tọa độ chính hệ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3° .

- Khu vực 1: Diện tích 0,49 ha.

TT	Tọa độ		TT	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	595319.95	1519946.16	19	595528.96	1519436.74
2	595319.85	1519945.35	20	595533.76	1519426.95
3	595324.91	1519940.05	21	595529.35	1519427.58
4	595319.05	1519936.64	22	595518.95	1519430.33
5	595313.73	1519931.88	23	595509.20	1519434.85
6	595311.08	1519925.21	24	595500.41	1519441.04
7	595308.96	1519908.96	25	595492.86	1519448.66
8	595308.08	1519898.58	26	595315.70	1519679.03
9	595307.68	1519889.34	27	595309.15	1519691.79
10	595307.63	1519879.52	28	595307.19	1519698.65
11	595314.23	1519711.63	29	595305.63	1519711.28
12	595315.94	1519700.76	30	595299.23	1519879.39
13	595318.91	1519692.01	31	595299.28	1519889.55
14	595323.08	1519683.77	32	595299.74	1519899.71
15	595497.38	1519456.81	33	595300.60	1519909.84
16	595506.18	1519448.03	34	595303.05	1519926.58
17	595513.80	1519442.82	35	595307.18	1519936.45
18	595522.11	1519438.81	36	595315.14	1519943.62

- Khu vực 2: Diện tích 0,19 ha.

TT	Tọa độ		TT	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	595584.54	1519428.10	9	595783.15	1519330.66
2	595709.00	1519410.74	10	595743.26	1519381.38
3	595719.45	1519408.41	11	595739.88	1519385.18
4	595731.70	1519403.05	12	595732.91	1519391.25
5	595738.44	1519398.52	13	595725.12	1519396.18
6	595746.29	1519391.19	14	595716.66	1519399.90

7	595750.05	1519386.67	15	595707.13	1519402.31
8	595796.72	1519326.25	16	595595.39	1519418.48

7. Kết luận

a) Kết quả kiểm tra hiện trường phù hợp với Báo cáo kết quả điều tra hiện trạng rừng khu đất thực hiện Dự án đường vào Nhà máy đốt rác Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn của Ban Quản lý dự án đầu tư và phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn do đơn vị tư vấn là Công ty TNHH Tư vấn lâm nghiệp Miền Trung lập.

b) Kết quả kiểm tra hiện trường là cơ sở để Ban Quản lý dự án đầu tư và phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn thực hiện các bước tiếp theo.

Chi cục Kiểm lâm có ý kiến đến Ban Quản lý dự án đầu tư và phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn biết, thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- Lãnh đạo CCKL;
- Hạt Kiểm lâm liên huyện Tuy Phước – TP. Quy Nhơn;
- UBND xã Phước Mỹ;
- Lưu: VT, SDPTR.

CHI CỤC TRƯỞNG

Lê Đức Sáu